

**BẢN SAO
COPY**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

PHÁP

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 227/QĐ-NXBGD ngày 27/02/2009 của Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035463 ngày 05/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/08/2016 với mã số doanh nghiệp là 0103488607, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2016: 25.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 04.35122068
- Fax: (84) 04.35121941
- Website: xbgdhn.vn

Nghành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD, các xuất bản phẩm và các tài liệu khác;
- In và phát hành các xuất bản phẩm;
- Sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản;
- Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy-học;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm;
- Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các lớp học, bậc học (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (Trừ loại Nhà nước cấm).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 108 người. Trong đó nhân viên quản lý là 28 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Vũ Văn Hùng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Ông Phan Xuân Thành | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Ông Vũ Văn Dương | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Bà Phạm Thị Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--|
| • Bà Bùi Thị Lan | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 03/06/2016 |
| • Ông Đào Xuân Hòa | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014
Miễn nhiệm ngày 03/06/2016 |
| • Bà Vũ Thị Hương Giang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Ông Phạm Đình Lượng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 03/06/2016 |
| • Ông Lê Hồng Sơn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014
Miễn nhiệm ngày 03/06/2016 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| • Ông Phan Xuân Thành | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2015 |
| • Bà Phạm Thị Hồng | Phó Giám đốc phụ trách | Bổ nhiệm ngày 01/04/2016 |
| • Ông Vũ Văn Dương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/03/2009 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2015 |
| • Bà Nguyễn Hiền Trang | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/05/2016 |
| • Ông Chu Quang Tuyến | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Giám đốc phụ trách Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính bằng Giấy ủy quyền ký ngày 03/01/2017.

Thay mặt Ban Giám đốc
Phó Giám đốc phụ trách

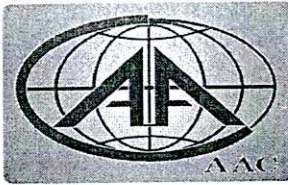


Phạm Thị Hồng

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2017



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thanh Hương



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 322/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/03/2017, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Huỳnh Thu Trang – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2298-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

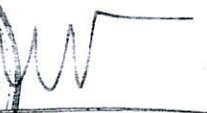
Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.861.130.130	35.196.435.528
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.337.110.392	10.902.450.775
1. Tiền	111	5	7.337.110.392	902.450.775
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.469.573.333	21.434.568.373
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	22.561.160.105	20.028.427.066
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.946.942	35.414.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	905.466.286	1.370.727.307
IV. Hàng tồn kho	140		2.843.200.112	2.419.438.346
1. Hàng tồn kho	141	8	2.843.200.112	2.419.438.346
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		211.246.293	439.978.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.a	41.125.632	145.692.596
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		170.120.661	294.285.438
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.479.563.251	18.672.229.803
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.882.047.000	1.802.337.546
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	1.882.047.000	1.802.337.546
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	46.069.999
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	46.069.999
- Nguyên giá	222		1.798.075.838	1.798.075.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.798.075.838)	(1.752.005.839)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	16.580.640.840
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	16.580.640.840
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	1.500.000.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.097.516.251	243.181.418
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.b	27.097.516.251	243.181.418
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		64.340.693.381	53.868.665.331

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.115.446.817	32.022.787.786
I. Nợ ngắn hạn	310		8.727.561.471	7.634.902.440
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.892.792.315	4.884.348.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.292.500	3.128.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.076.167.292	1.120.255.181
4. Phải trả người lao động	314		518.489.982	211.251.574
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	197.687.617	224.325.598
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	1.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		41.131.765	191.593.944
II. Nợ dài hạn	330		24.387.885.346	24.387.885.346
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	15	24.387.885.346	24.387.885.346
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.225.246.564	21.845.877.545
I. Vốn chủ sở hữu	410		31.225.246.564	21.845.877.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	25.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	(110.000.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	16	2.308.623.756	2.308.623.756
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	4.026.622.808	4.537.253.789
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	16	1.176.882.413	1.429.826.260
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	16	2.849.740.395	3.107.427.529
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		64.340.693.381	53.868.665.331

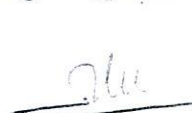
Phó Giám đốc phụ trách

Phạm Thị Hồng
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng



Chu Quang Tuyến

Người lập biểu



Ma Thị Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	17	64.982.028.979	59.937.957.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	207.898.835	645.506.795
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		64.774.130.144	59.292.451.087
4. Giá vốn hàng bán	11	19	43.610.430.112	38.889.540.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>21.163.700.032</u>	<u>20.402.911.036</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	56.686.737	15.149.611
7. Chi phí tài chính	22	21	77.360.994	161.527.389
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		77.360.994	161.527.389
8. Chi phí bán hàng	25	22.a	5.675.257.822	5.544.312.555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22.b	11.609.223.276	10.550.321.885
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>3.858.544.677</u>	<u>4.161.898.818</u>
11. Thu nhập khác	31	23	88.398.879	29.951.175
12. Chi phí khác	32	24	135.105.961	7.450.304
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(46.707.082)</u>	<u>22.500.871</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>3.811.837.595</u>	<u>4.184.399.689</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	862.097.200	976.972.160
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>2.949.740.395</u>	<u>3.207.427.529</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.194	1.231
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	1.194	1.231



Phó Giám đốc phụ trách

Phạm Thị Hồng

Hà Nội ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Chu Quang Tuyền

Người lập biểu

Ma Thị Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	62.104.104.853	84.637.278.338
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(40.803.806.297)	(37.326.247.547)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.251.410.583)	(18.014.539.795)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 21	(77.360.994)	(161.527.389)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 13	(862.265.161)	(754.804.526)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.145.082.786	326.540.766
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.082.783.159)	(3.094.045.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.828.438.555)	25.612.654.283
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(7.083.588.565)	(16.908.072.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 20	56.686.737	15.149.611
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.526.901.828)	(16.892.922.389)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31 16	9.890.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	346.575.811	3.192.151.397
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.346.575.811)	(2.847.787.797)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 16.e	(2.100.000.000)	(2.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.790.000.000	(1.905.636.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.565.340.383)	6.814.095.494
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	10.902.450.775	4.088.355.281
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.337.110.392	10.902.450.775



Phó Giám đốc phụ trách

Phạm Thị Hồng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Chu Quang Tuyền

Người lập biểu

Ma Thị Thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 227/QĐ-NXBGD ngày 27/02/2009 của Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035463 ngày 05/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/08/2016 với mã số doanh nghiệp là 0103488607, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD, các xuất bản phẩm và các tài liệu khác;
- In và phát hành các xuất bản phẩm;
- Sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản;
- Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy-học;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm;
- Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các lớp học, bậc học (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (Trừ loại Nhà nước cấm).

1.4. Chu kỳ kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý các khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Thiết bị dụng cụ quản lý

1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí từ nhận chuyển nhượng văn phòng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian chuyển nhượng (50 năm);
- Chi phí thuê kho phân bổ đều theo số tháng đi thuê;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Thuế GTGT không được khấu trừ của hàng tồn kho phân bổ vào giá vốn theo giá trị xuất bán trong kỳ;
- Chi phí thiết kế, chế bản phân bổ theo thời gian quy định trong hợp đồng.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Bàn thảo sách, nhuận bút tác giả thuộc đối tượng không chịu thuế; Đối với dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản, đọc rà soát áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	340.818.428	532.704.521
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.996.291.964	369.746.254
Cộng	7.337.110.392	902.450.775

6. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.399.234.129	3.608.512.209
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	2.051.041.719	3.799.093.083
Các đối tượng khác	18.110.884.257	12.620.821.774
Cộng	22.561.160.105	20.028.427.066

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	1.882.047.000	1.802.337.546
Cộng	1.882.047.000	1.802.337.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	1.290.573.510	643.356.715
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	2.399.234.129	3.608.512.209
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.269.584.978	1.016.931.216
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	1.455.033.457	1.534.475.408
Công ty CP Sách giáo dục tại TP HCM	Chung Công ty đầu tư	668.595.859	1.348.393.359
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	3.933.088.719	5.601.430.629
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	1.661.242.190	368.300.311
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	671.766.769	873.981.708
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	467.350.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	747.089.170	43.103.429
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	355.003.200	315.283.700
Cộng		14.918.561.981	15.353.768.684

7. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
TCT Bảo hiểm Bảo Việt	-	-	955.691.321	-
Tạm ứng	61.000.000	-	142.034.500	-
Thu nợ lương khoán biên tập viên	15.972.386	-	15.972.386	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	100.000.000	-	100.000.000	-
Phải thu khác	728.493.900	-	157.029.100	-
Cộng	905.466.286	-	1.370.727.307	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.196.170	-	10.372.196	-
Chi phí SX, KD dở dang	135.292.460	-	89.252.000	-
Thành phẩm	2.193.654.985	-	1.832.872.726	-
Hàng hóa	500.056.497	-	486.941.424	-
Cộng	2.843.200.112	-	2.419.438.346	-

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứng động, chậm luân chuyển tại thời điểm 31/12/2016.

9. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ hàng tồn kho	41.125.632	41.043.506
Chi phí thuê kho	-	104.649.090
Cộng	41.125.632	145.692.596

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nhận chuyển nhượng văn phòng làm việc (*)	23.476.557.992	-
Chi phí đầu tư văn phòng	3.620.958.259	-
Chi phí thiết kế, chế bản	-	243.181.418
Cộng	27.097.516.251	243.181.418

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số 204C1/HĐCNVP/HANDICO6, Công ty nhận chuyển nhượng 759 m² thuộc tầng 4 của Tòa nhà Diamond tại lô đất C1 khu Trung Hòa – Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội trong thời hạn 50 năm để làm văn phòng. Thời điểm bàn giao tòa nhà: ngày 06/10/2016. Hiện nay, Công ty chưa có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình (theo Hợp đồng, nếu có sự thay đổi về Pháp luật cho phép thì Công ty phải trả thêm một khoản chi phí 2.100.000 đồng / m² và Công ty sẽ có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình). Theo đó, Công ty thực hiện phân bổ chi phí nhận chuyển nhượng này vào chi phí trong thời gian là 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.343.662.312	454.413.526	1.798.075.838
Mua sắm trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.343.662.312	454.413.526	1.798.075.838
Khấu hao			
Số đầu năm	1.343.662.312	408.343.527	1.752.005.839
Khấu hao trong năm	-	46.069.999	46.069.999
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.343.662.312	454.413.526	1.798.075.838
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	46.069.999	46.069.999
Số cuối năm	-	-	-

- Không có TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 1.798.075.838 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	31/12/2016			01/01/2016		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác		1.500.000.000	-	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	150.000	1.500.000.000	-	-	-	-	-
Cộng		1.500.000.000	-	-	-	-	-

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này. Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty này. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	757.500.956	1.909.816.392
Xí nghiệp Bàn Đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc Địa bản đồ	1.387.280.348	645.656.833
Công ty CP In và Vật tư Hải Hương	915.922.153	17.654.021
Các Công ty khác	3.832.088.858	2.311.220.897
Cộng	6.892.792.315	4.884.348.143

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Đầu tư tài chính giáo dục	Chung Công ty đầu tư	330.000.000	224.576.872
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư	757.500.956	1.909.816.392
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	371.443.916	305.177.379
Các công ty khác	Chung Công ty đầu tư	-	116.612.100
Cộng		1.458.944.872	2.556.182.743

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	370.903.033	370.903.033	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	789.537.651	862.097.200	862.265.161	789.369.690
Thuế thu nhập cá nhân	330.717.530	1.444.698.827	1.488.618.755	286.797.602
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.120.255.181	2.680.699.060	2.724.786.949	1.076.167.292

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	75.439.151	68.106.680
Thuế TNCN của CBNV nộp thừa	24.178.036	60.228.958
Hoa hồng môi giới phải trả	98.070.430	95.989.960
Cộng	197.687.617	224.325.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Người mua trả tiền trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	24.387.885.346	24.387.885.346
Cộng	24.387.885.346	24.387.885.346

(*) Nhận tiền ứng trước của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (là bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng số 1964/HĐKT/2015SGK về việc "Tổ chức bản thảo Sách giáo khoa (SGK), Sách bổ trợ (SBT) mới". Thời hạn quyết toán theo hợp đồng bắt đầu từ năm 2018.

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	15.000.000.000	-	1.897.484.968	5.096.534.442
Tăng trong năm	-	-	411.138.788	3.207.427.529
Giảm trong năm	-	-	-	3.766.708.182
Số dư tại 31/12/2015	15.000.000.000	-	2.308.623.756	4.537.253.789
Số dư tại 01/01/2016	15.000.000.000	-	2.308.623.756	4.537.253.789
Tăng trong năm	10.000.000.000	(110.000.000)	-	2.949.740.395
Giảm trong năm	-	-	-	3.460.371.376
Số dư tại 31/12/2016	25.000.000.000	(110.000.000)	2.308.623.756	4.026.622.808

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.088.130.000	3.900.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	13.911.870.000	11.100.000.000
Cộng	25.000.000.000	15.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.537.253.789	5.096.534.442
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	2.949.740.395	3.207.427.529
Phân phối lợi nhuận	3.460.371.376	3.766.708.182
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	3.360.371.376	3.666.708.182
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	411.138.788
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.260.371.376	1.005.569.394
+ Trả cổ tức	2.100.000.000	2.250.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	100.000.000	100.000.000
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	100.000.000	100.000.000
+ Quỹ đầu tư và phát triển	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	4.026.622.808	4.537.253.789

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 28/04/2016 đã quyết định chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 14%/vốn điều lệ (tương ứng 2.100.000.000 đồng) Số cổ tức này Công ty đã chi hết trong năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu dịch vụ tổ chức bàn thảo	29.282.030.551	26.618.582.217
Doanh thu bán sách	21.123.145.040	18.974.171.350
Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	2.545.493.902	1.996.890.618
Nhuận bút	10.692.294.921	10.890.548.840
Doanh thu khác	1.339.064.565	1.457.764.857
Cộng	64.982.028.979	59.937.957.882

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	207.898.835	645.506.795
Cộng	207.898.835	645.506.795

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn dịch vụ tổ chức bàn thảo	16.792.228.835	13.923.729.984
Giá vốn bán sách	14.424.797.150	12.948.516.042
Giá vốn dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	890.630.531	780.174.925
Nhuận bút	10.692.294.921	10.890.548.840
Giá vốn khác	810.478.675	346.570.260
Cộng	43.610.430.112	38.889.540.051

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.686.737	15.149.611
Cộng	56.686.737	15.149.611

21. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	77.360.994	161.527.389
Cộng	77.360.994	161.527.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

	Năm 2016	Năm 2015
Nhân viên bán hàng	3.235.832.214	2.204.776.214
Chi phí thuê kho, văn phòng	277.320.908	354.502.578
Chi phí vận chuyển sách	355.798.386	357.555.839
Chi phí giao dịch, hội nghị khách tiết	301.248.855	387.879.408
Chi phí bán hàng khác	1.505.057.459	2.239.598.516
Cộng	5.675.257.822	5.544.312.555

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	4.425.304.590	3.146.447.514
Giao dịch, hội nghị, khách tiết	454.501.532	785.574.678
Chi phí khác	6.729.417.154	6.618.299.693
Cộng	11.609.223.276	10.550.321.885

23. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Bảo hiểm đền bù	-	27.191.716
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	88.375.004	2.710.907
Các khoản khác	23.875	48.552
Cộng	88.398.879	29.951.175

24. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Phạt vi phạm hành chính thuế	135.010.855	7.391.039
Các khoản khác	95.106	59.265
Cộng	135.105.961	7.450.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.811.837.595	4.184.399.689
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	135.010.855	32.141.039
- Điều chỉnh tăng	135.010.855	32.141.039
+ Phạt vi phạm hành chính về thuế	135.010.855	7.391.039
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	24.750.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.946.848.450	4.216.540.728
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	862.097.200	976.972.160
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	789.369.690	927.638.960
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	72.727.510	49.333.200

26. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.949.740.395	3.207.427.529
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(100.000.000)	(1.360.371.376)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.849.740.395	1.847.056.153
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.386.328	1.500.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.194	1.231

(*) Chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 đã được điều chỉnh tương ứng với ảnh hưởng của số liệu tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm. Số liệu chỉ tiêu này có thể thay đổi khi có quyết định chính thức về phân phối lợi nhuận năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông.

27. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	24.583.646.859	19.966.249.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.069.999	46.070.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.615.755.934	17.799.316.690
Chi phí khác bằng tiền	6.502.364.650	9.009.884.667
Cộng	52.747.837.442	46.821.520.546

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh sách và dịch vụ xuất bản giáo dục (bao gồm tổ chức bản thảo, biên tập, chế bản,...) và một địa lý chính là Việt Nam.

29. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro khi có biến động về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá xảy ra khi giá của nguyên liệu, hàng hóa đầu vào biến động. Với ngành nghề kinh doanh chính là tổ chức biên soạn, sửa bản in, định chỉnh bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo, thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản... chi phí đầu vào chủ yếu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là chi phí nhân công (nhuận bút, đọc định chỉnh, đọc góp ý, đọc thẩm định...) và các chi phí sản xuất chung khác (tiền phim, công in...). Chi phí nhân công chủ yếu phải trả cho các tác giả đã cộng tác nhiều năm với các Công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, khoản chi phí này tương đối ổn định trong những năm qua. Đối với chi phí công in, tiền phim, Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với giá bán thấp nhất có thể, tập trung số lượng đặt hàng lớn để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá từ nhà cung cấp đồng thời theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý nhất. Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty Sách Thiết bị trường học, các Công ty thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục, các Phòng giáo dục. Đây là các khách hàng phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán kịp thời. Do đó Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng và đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.892.792.315	-	6.892.792.315
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả khác	122.248.466	-	122.248.466
Cộng	7.015.040.781	-	7.015.040.781

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.884.348.143	-	4.884.348.143
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải trả khác	156.218.918	-	156.218.918
Cộng	6.040.567.061	-	6.040.567.061

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.337.110.392	-	7.337.110.392
Phải thu khách hàng	22.561.160.105	1.882.047.000	24.443.207.105
Phải thu khác	828.493.900	-	828.493.900
Đầu tư tài chính	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	30.726.764.397	3.382.047.000	34.108.811.397

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.902.450.775	-	10.902.450.775
Phải thu khách hàng	20.028.427.066	1.802.337.546	21.830.764.612
Phải thu khác	1.212.720.421	-	1.212.720.421
Cộng	32.143.598.262	1.802.337.546	33.945.935.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Nhà xuất bản Giáo dục)	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư tài chính giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Diên Hồng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Giao dịch của Công ty với các bên liên quan

Công ty liên quan	Giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục	Tiền công biên tập	1.970.782.435	2.385.995.101
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Tiền công biên tập, TKCB đọc đính chính, đọc rà soát, bán sách	5.131.298.085	4.252.490.193
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Bản thảo STK, Nhuận bút, bán sách	3.775.304.520	3.647.017.200
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Bản thảo STK, Nhuận bút, bán sách	7.556.558.070	6.190.730.683
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT	2.054.976.500	2.998.121.936
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT	7.960.153.639	7.696.366.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT	2.697.785.061	3.257.306.258
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT	6.346.406.485	7.043.879.804
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT, bán sách	4.097.703.174	2.619.940.813
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Bản thảo sách, Nhuận bút, bán sách	3.209.803.415	2.789.377.259
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT, bán sách	2.086.266.400	2.774.413.600
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Bán sách	1.547.056.800	1.194.036.650
Mua hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cơ sở vật chất, điện, nước, Phí Quản lý xuất bản	565.120.016	1.818.903.552
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách	3.045.107.580	2.073.109.080
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Mua sách, lịch	648.746.700	871.883.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Mua sách	1.078.956.795	644.293.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Mua sách	2.159.012.900	3.287.897.900
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Tiền TKCB sách	2.296.326.124	2.008.765.901
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	In sách	566.266.537	588.245.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Phó Giám đốc phụ trách

Phạm Tài Hồng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Chu Quang Tuyền

Người lập biểu

Ma Thị Thu